

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/DS-ST

Ngày: 18/9/2017

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bé Thị Bay

2. Bà Trần Thị Kia

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2017 *“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXX-ST ngày 14/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Văn Thị S, sinh năm 1962; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn: ông Ngô Xuân H, sinh năm 1966, cùng trú tại: Tổ 01, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà S, ông H có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Xuân T, sinh năm 1972; trú tại: Số nhà 311 đường Hoàng Hoa Thám, tổ 7, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Văn Thị S trình bày:

Vào ngày 01 tháng 01 năm 2016 ông Lê Xuân T có vay vợ chồng bà S và ông H số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), trước đó vào ngày 05/8/2015 ông T còn nợ bà S, ông H 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Ông T đã viết Giấy mượn tiền và ký xác nhận vào ngày 01/01/2016 và hẹn sẽ trả vào tháng 01 năm 2016. Đến hạn bà S đòi nhưng ông T không trả số tiền còn nợ nói trên cho vợ chồng bà S. Nay bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án

buộc ông T phải trả cho vợ chồng bà S số tiền ông T còn nợ là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Bà S không yêu cầu tiền lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn ông Ngô Xuân H trình bày: Ông H đồng ý với lời trình bày của vợ ông là bà S, ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn: Ông Lê Xuân T, mặc dù đã được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Xuân T, hiện cư trú tại: Số nhà 311 đường Hoàng Hoa Thám, tổ 7, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai có nợ vợ chồng bà Văn Thị S, ông Ngô Xuân H số tiền 30.000.000đ đến nay xảy ra tranh chấp bà S nộp đơn khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân thị xã A yêu cầu giải quyết. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù bị đơn ông T đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cũng như triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản, ý kiến hay tài liệu, chứng cứ nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì thế, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Văn Thị S, nộp cho Tòa án “Giấy mượn tiền” được ghi ngày 01/01/2016 và khẳng định ông T đã vay tiền của vợ chồng bà S và ông T tự viết, ký xác nhận vào “Giấy mượn tiền” đó. Tổng cộng số tiền ông T còn nợ vợ chồng bà S, ông H là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), ông T hẹn sẽ trả trong tháng 01 năm 2016 nhưng đến nay chưa trả. Đối chiếu lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX xác định ông Lê Xuân T có vay tiền của bà S, ông H là có cơ sở. Việc ông T hiện còn nợ

vợ chồng bà S, ông H số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) chưa trả và các bên đương sự đã xác lập giao dịch dân sự và hoàn thành giao dịch trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên theo điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì trường hợp trên được áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Do vậy, ông T có trách nhiệm phải trả số tiền còn nợ cho vợ chồng bà S, ông H là phù hợp theo quy định tại các Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3]. Về khoản lãi: Bà S, ông H không yêu cầu tính lãi của số tiền nợ nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Mức án phí có giá ngạch trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà S buộc ông T phải trả cho bà S, ông H số tiền 30.000.000đ. Như vậy, ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Bà S, ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị S.

- Buộc ông Lê Xuân T phải trả cho bà Văn Thị S, ông Ngô Xuân H, số tiền còn nợ là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 nếu các bên không thỏa

thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Buộc ông Lê Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Bà S, ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Văn Thị S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 750.000đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số: 0000909 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Gia Lai;
- VKSND. thị xã A;
- Chi cục THADS. TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Án Văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn